

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-PT
Ngày: 09 - 6 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Tuyết;
Bà Võ Thị Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Phạm T Uyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 07, 08 và 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thanh T.

Địa chỉ: Tổ 77, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Lương Thị Đ.

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng Hà – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng Hà thuộc đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: 25B/A6 đường H, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lương Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C, nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Đ có quen biết nhau qua công việc làm ăn. Bà Đ có nhu cầu vay tiền để mua đất, tổng cộng các lần vay là 2.380.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng), cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 20-10-2019, vay 180.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 25-11-2019;
Lần 2: Ngày 07-11-2019, vay 200.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 07-02-2020;
Lần 3: Ngày 07-4-2020, vay 50.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 20-4-2020;
Lần 4: Ngày 09-5-2020, vay 350.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 11-6-2020;
Lần 5: Ngày 11-5-2020, vay 150.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 14-6-2020;
Lần 6: Ngày 15-5-2020, vay 200.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 19-6-2020;
Lần 7: Ngày 23-5-2020, vay 400.000.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng hẹn trả vào ngày 20-6-2020 và 200.000.000 đồng hẹn hàng ngày trả tiền lãi);
Lần 8: Ngày 26-5-2020, vay 250.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 06-6-2020;
Lần 9: Ngày 04-6-2020, vay 200.000.000 đồng (hẹn trả góp từ ngày 05-6 2020);
Lần 10: Vay 400.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 05-6-2020.

Tổng cộng 10 lần vay, bà Lương Thị Đ đã trả cho bà Nguyễn Thị B 02 lần đúng hạn, cụ thể là lần 1 và lần 2 với số tiền đã trả là 380.000.000 đồng.

Đến nay, bà Lương Thị Đ còn nợ bà Nguyễn Thị B tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Đến hạn trả nợ theo thỏa Tận, bà B đã nhiều lần đến gặp Bà Đ để đòi nợ nhưng Bà Đ gây khó khăn, cố tình lẩn tránh, không chịu trả nợ cho bà B.

Bà B và chồng (ông Lê Thống) đã gọi Bà Đ tới nhà để thống nhất lại phương thức trả khoản vay. Bà Đ lúc đó đã thừa nhận khoản vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và hứa sẽ trả bằng hình thức bán đất và trả dần thêm theo tháng (theo như bản ghi âm và giải trình ghi âm bà B đã nộp cho Tòa án). Sau đó, Bà Đ trở mặt nói không vay tiền, còn thách thức bà B khởi kiện.

Việc vay tiền là dựa trên sự thỏa Tận của bà B và Bà Đ, có văn bản chứng minh, có kỳ hạn thanh toán khoản vay. Bà B đã giao đầy đủ số tiền cho Bà Đ như trong các giấy tờ do chính tay Bà Đ viết và kí tên.

Tại các phiên họp giao nộp công khai, chứng cứ và hòa giải, đối chất ngày 16-12-2020 và ngày 05-01-2021 tại Tòa án nhân dân thành phố C, Bà Đ đã thừa nhận chữ viết là của mình và không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho lời nói của mình. Nguyên đơn khẳng định mọi chứng cứ giao nộp cho Tòa án là hợp lệ, có tính xác thực. Nguyên đơn không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Lương Thị Đ phải trả cho bà B một lần toàn bộ số tiền vay 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), bà B không yêu cầu tiền lãi. Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của vụ án.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đã ban hành để bảo đảm việc thi hành án .

** Tại bản tự khai ngày 29/10/2020, đơn từ chối tham gia hòa giải ngày 05/01/2021, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28-01-2021, ngày 01/3/2021 và quá trình tố tụng, bị đơn bà Lương Thị Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp luật sư Nguyễn Hồng Hà trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Định có làm ăn chung với bà Nguyễn Thị B vào năm 2018, 2019, 2020. Bà không vay, mượn tiền của bà B nên bà B yêu cầu bà trả cho bà B tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) bà không đồng ý. Bà Đ không công nhận các giấy tờ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý là hợp đồng vay, mượn tiền, bà cũng không công nhận giá trị pháp lý đoạn hội thoại bà B cung cấp cho Tòa án; bị đơn không chấp nhận và đã bác bỏ việc vay, mượn tiền của nguyên đơn ngay khi được thông báo về việc thụ lý vụ án. Việc bà B dùng hai giấy vay tiền vào cuối năm 2019 lồng ghép đoạn hội thoại cũng như cắt xén giấy tờ từ quyển sổ ghi chép làm ăn chung để làm chứng cứ chứng minh bà có vay số tiền 2.380.000.000 đồng là không đúng sự thật khách quan. Yêu cầu bà B cung cấp quyển sổ chứa những giấy tờ (từ bút lục 58 đến 65) để thấy bản chất vụ việc không có việc vay, mượn tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Lương Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị B 1.900.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26-10-2020 và Quyết định số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Mở phong tỏa số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) bảo đảm bà Nguyễn Thị B đã gửi tại tài khoản 9083134536816 theo Giấy xác nhận phong tỏa tài khoản số 160 ngày 26/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Cam Ranh, phòng giao dịch Hùng Vương; mở phong tỏa số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) bảo đảm bà Nguyễn Thị B đã gửi tại tài khoản 3663149049866 theo Giấy xác nhận phong tỏa tài khoản số 161 ngày 27/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Cam Ranh, phòng giao dịch Hùng Vương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quy định thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/3/2020, bà Lương Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm, không công nhận các giấy tờ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý là hợp đồng vay, mượn tiền.

Ngày 24/3/2021 (theo ngày công văn đến), Tòa án nhân dân thành phố C và Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận được đơn khiếu nại của ông Phạm Xuân Thứ và bà Nguyễn Thị Xuân T khiếu nại quyết định của Tòa án nhân dân thành phố C về việc phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 330, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C vì đây là tài sản của vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông, bà Nguyễn Hữu Lợi và Lương Thị Đ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/9/2020, số công chứng 6960, Quyền số: 01TP/CC-SCC/HNGĐ của Văn phòng công chứng Trường An, tỉnh Khánh Hòa.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư Nguyễn Hồng Hà trình bày:*

Về việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2020 và số: 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về kháng cáo của bà Lương Thị Đ: Bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 09/3/2021. Bà Đ và bà Nguyễn Thị B có mối quan hệ làm ăn chung được thể hiện trong một cuốn sổ ghi chép, các giấy nhận tiền nguyên đơn cung cấp được lấy ra từ cuốn sổ ghi chép nhưng nguyên đơn không cung cấp cho Tòa án nên chưa thể hiện mối quan hệ làm ăn giữa các bên là gì, vì vậy, yêu cầu nguyên đơn cung cấp sổ ghi chép để làm cơ sở xác định đúng bản chất sự việc và giải quyết đúng vụ án. Bà Đ và bà B không có quan hệ vay, mượn tiền, không có chứng cứ, bằng chứng nào thể hiện quan hệ vay, mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn; Tòa án sơ thẩm cho rằng những giấy tờ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay tài sản nhưng bị đơn không chấp nhận và đã bác bỏ việc vay, mượn tiền của nguyên đơn ngay khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án. Do chứng cứ trong hồ sơ vụ án chưa đầy đủ và có nhiều mâu thuẫn, việc đánh giá chứng cứ của Tòa án sơ thẩm không khách quan dẫn đến quyết định không đúng pháp luật, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị Đ, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị B xin rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 330, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 221504, số vào sổ cấp GCN: CS03871 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20/5/2020 đứng tên bà Lương Thị Đ và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn Trà Sơn, xã Cam Phước Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn

liên với đất số CR610468, sổ vào sổ cấp GCN: CS07443 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01/7/2019 đứng tên bà Lương Thị Đ; yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2020 và số: 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đối với 02 thửa đất trên.

Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Đ có mối quan hệ quen biết, qua đó, Bà Đ vay tiền của bà B, việc vay tiền được Bà Đ trực tiếp viết vào các tờ giấy bà B đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm, ngoài ra không có giấy tờ nào khác; bà B không có cuốn sổ như luật sư và nguyên đơn yêu cầu nên không thể cung cấp cho Tòa án được; ngoài tài liệu, chứng cứ bà B cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà B không có tài liệu, chứng cứ để bổ sung. Riêng số tiền vay lần 10 (400.000.000 đồng), hạn trả vào ngày 05/6/2020 trong giấy nhận tiền không ghi ngày vay, thực tế số tiền này Bà Đ vay của bà B vào chiều ngày 04/6/2020. Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị Đ và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên phần còn lại của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Bà Lê Thị Thanh T rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2020 và số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C đối với thửa đất số 330, tờ bản đồ số 5, tại tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4, tại thôn Trà Sơn, xã Cam Phước Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Do đó, căn cứ Điều 18 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 112, điểm a khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên.

Bị đơn kháng cáo không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì không vay nguyên đơn số tiền 1.900.000.000 đồng, không công nhận giá trị pháp lý của các tài liệu nguyên đơn giao nộp cho Tòa án ngày 08/12/2020. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư Nguyễn Hồng Hà yêu cầu nguyên đơn giao nộp quyền sở hữu làm ăn chung giữa nguyên đơn và bị đơn mà nguyên đơn đã rút một số tờ làm chứng cứ kiện bị đơn cho Tòa án; những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã yêu cầu bà T giao nộp quyền sở hữu nói trên nhưng bà T không thừa nhận có sổ ghi chép giữa 02 bên (Quá trình giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, nguyên đơn cũng khai như vậy và không giao nộp quyền sở hữu nào) mà khai tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án chỉ là những tờ giấy viết tay riêng lẻ (Bản chính) để chứng minh việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án là đúng qui định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Biên bản đối chất ngày 16/12/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm, Bà Đ xác nhận chữ viết, chữ ký trong các tờ giấy viết tay do nguyên đơn giao nộp cho Tòa là của bị đơn, nội dung ghi trong các giấy này thể hiện việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn, khoản vay nào đã được trả xong thì gạch bỏ, (hoặc/và) ghi rồi/trả rồi. Qua kiểm tra các tờ giấy viết tay trên, trong đó có khoản tiền vay mà nguyên đơn liệt kê là khoản vay lần thứ 5 thể hiện số tiền vay là “150 triệu (Năm mươi triệu)”, chữ số 1 có thể hiện được ghi sau, ghi vào trước chữ số 5, bà B khai do Bà Đ ghi thêm chữ số 1 này, còn Bà Đ khai do bà B ghi, không xác định được chữ số này do bà B hay Bà Đ ghi, nên có cơ sở xác định bà B cho Bà Đ vay số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp thể hiện bà B cho Bà Đ vay tổng số tiền là 1.900.000.000 đồng, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã hoàn trả tiền cho nguyên đơn.

Tại chứng cứ có nội dung “Định lấy 200 triệu) góp ngày 04/6/2020 ... ngày 05/6 góp”, phía dưới, nguyên đơn ghi 03 dòng, mỗi dòng ghi: 05/6.000.000, 6/6.000.000, 7/6.000.000 đồng. Tổng cộng là 18.000.000 đồng (bút lục số 63). Tại Biên bản đối chất ngày ngày 16/12/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đưa cho nguyên đơn nhưng là tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai bà B cho Bà Đ vay có lãi nhưng không thỏa Tiền lãi cụ thể là bao nhiêu, sau khi trả xong nợ gốc thì Bà Đ tự nguyện đưa lãi cho bà B bao nhiêu thì đưa, đồng thời, các khoản tiền vay mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thì nguyên đơn chưa nhận tiền lãi nên có cơ sở xác định Bà Đ đã trả cho bà B được 18.000.000 đồng về khoản vay tại bút lục số 63. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có bằng chứng cho thấy 18.000.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn là tiền gốc là đánh giá chứng cứ không đúng nên đã không trừ số tiền 18.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn mà buộc bị đơn trả số tiền 1.900.000.000 đồng là không đúng, làm thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm đối với số tiền 18.000.000 đồng theo hướng nêu trên; về án phí, đề nghị quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lương Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị Đ phải trả cho bà B 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) tiền vay theo các giấy nhận tiền đã cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, Bà Đ không đồng ý yêu cầu của bà B và khẳng định giữa Bà Đ và bà B có quan hệ làm ăn khác (Tại Biên bản đối chất ngày 16/12/2020, Bà Đ trình bày bà với bà B có quan hệ làm ăn chung, góp tiền cho vay chung và chơi huê

hụi cùng nhau), không có quan hệ vay, mượn tiền, nhưng không được bà B chấp nhận và Bà Đ cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo các giấy vay tiền (từ bút lục số 58 đến bút lục số 65) được Bà Đ thừa nhận toàn bộ chữ ký và chữ viết là của Bà Đ đều có nội dung Bà Đ lấy tiền và hẹn ngày trả tiền cụ thể, nên có căn cứ xác định đây là các hợp đồng vay tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền bà Lương Thị Đ vay, nợ bà Nguyễn Thị B: Theo giấy nhận nợ (giấy lấy tiền) giữa bà B và Bà Đ do bà Nguyễn Thị B cung cấp, từ ngày 20-10-2019 đến ngày 04-6-2020, bà Lương Thị Đ vay của bà Nguyễn Thị B 10 lần với tổng số tiền 2.380.000.000 đồng, đã trả 380.000.000 đồng (khoản vay ngày 20-10-2019, số tiền 180.000.000 đồng và khoản vay ngày 07-11-2019, số tiền 200.000.000 đồng). Bà Đ không thừa nhận việc vay, mượn tiền của bà B, nhưng tại Biên bản đối chất ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, Bà Đ khai nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký phần Bà Đ lấy tiền trong 08 (tám) giấy vay nợ do bà B cung cấp (từ bút lục số 58 đến bút lục số 65) là của Bà Đ; riêng số 1 trong giấy lấy tiền ngày 11/5/2020 “*Đ lấy (150 triệu) (năm mươi triệu)*” (bút lục số 61) Bà Đ không thừa nhận là chữ số bà viết, căn cứ phần tiền ghi bằng chữ (*năm mươi triệu*) nên có căn cứ số 1 trong “*Định lấy (150 triệu) (năm mươi triệu)*” không phải là số tiền thực tế các bên cho vay và có căn cứ xác định giấy nợ này Bà Đ vay 50.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ, cơ sở xác định từ ngày 20-10-2019 đến ngày 04-6-2020, bà Lương Thị Đ vay của bà Nguyễn Thị B 10 lần với tổng số tiền 2.280.000.000 đồng, đã trả 380.000.000 đồng (khoản vay ngày 20-10-2019, số tiền 180.000.000 đồng và khoản vay ngày 07-11-2019, số tiền 200.000.000 đồng), Bà Đ còn vay của bà B 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng).

[2.2] Về số tiền bà Lương Thị Đ đã trả cho bà Nguyễn Thị B: Khoản vay theo giấy nợ “*Đ lấy 200 triệu*” góp ngày 04/6/2020, 04/6 lấy – ngày 05/6 góp”; 05/6.000.000đ, 6/6.000.000đ, 7/6.000.000đ (bút lục số 63), bà B cho rằng số tiền 05/6.000.000đ, 6/6.000.000đ, 7/6.000.000đ, tổng cộng 18.000.000 đồng là tiền lãi của tất cả các khoản vay từ ngày 07/4/2020 đến ngày 04/6/2020 Bà Đ trả cho bà B. Lời trình bày của bà B về việc trả tiền lãi mâu thuẫn với các lời trình bày khác (B cho Bà Đ vay có lãi nhưng không thỏa Tiền lãi cụ thể là bao nhiêu, sau khi trả xong nợ gốc thì Bà Đ tự nguyện đưa lãi cho bà B bao nhiêu thì đưa) và bà B không giải trình được căn cứ tính lãi của số tiền trên. Mặt khác, việc vay tiền giữa bà B và Bà Đ không thể hiện lãi suất, việc trả góp không thể hiện số tiền và số ngày phải trả cho mỗi khoản vay nên không có căn cứ xác định số tiền lãi trong số tiền trả góp trên. Vì vậy, xác định Bà Đ đã trả cho bà B 18.000.000 đồng tiền nợ gốc, khấu trừ vào số tiền Bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà B tại mục [2.1].

[3] Về việc rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 330, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU

221504, số vào sổ cấp GCN: CS03871 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20/5/2020 đứng tên bà Lương Thị Đ và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn Trà Sơn, xã Cam Phước Đông, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR610468, số vào sổ cấp GCN: CS07443 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01/7/2019 đứng tên bà Lương Thị Đ; yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2020 và số: 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, đúng pháp luật nên được chấp nhận, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2020 và số: 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C; mở phong tỏa số tiền bảo đảm bà Nguyễn Thị B đã gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Cam Ranh, Phòng giao dịch Hùng Vương liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên.

[4] Về khiếu nại của ông Phạm Xuân Thứ và bà Nguyễn Thị Xuân T đối với quyết định của Tòa án nhân dân thành phố C về việc phong tỏa quyền sử dụng thửa đất số 330, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Tổ dân phố Phú Sơn, phường Cam Phú, thành phố C: Như nhận định tại mục [3], đối tượng khiếu nại không còn, nên không có căn cứ xem xét, giải quyết khiếu nại của ông Phạm Xuân Thứ và bà Nguyễn Thị Xuân T.

Từ nhận định [1.2], [2] và [3], Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và xác định bà Lương Thị Đ vay của bà Nguyễn Thị B 1.900.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, tuy nhiên, không xác định 18.000.000 đồng Bà Đ trả cho bà B là tiền trả nợ gốc là chưa chính xác; có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị Đ; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc Bà Đ phải trả cho bà B 1.882.000.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu của bà B về yêu cầu Bà Đ trả 118.000.000 đồng. Sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị B 1.882.000.000 đồng, nên Bà Đ phải chịu án phí là: $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 1.082.000.000 \text{ đồng}) = 68.460.000 \text{ đồng}$ (sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B đối với yêu cầu Bà Đ phải trả 118.000.000 đồng, nên bà B phải chịu án phí là: $118.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.900.000 \text{ đồng}$ (năm triệu chín trăm nghìn đồng).

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị Đ, nên Bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 280, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 18 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 112, điểm a khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lương Thị Đ; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Lương Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị B 1.882.000.000đồng (một tỷ tám trăm tám mươi hai triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về yêu cầu bà Lương Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị B 118.000.000đồng (một trăm mười tám triệu đồng).

3. Án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị Đ phải nộp 68.460.000 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị B phải nộp 5.900.000 đồng (năm triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 36.000.000đồng (ba mươi sáu triệu đồng) đã nộp theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000869 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Trả lại cho bà Nguyễn Thị B 30.100.000đồng (ba mươi triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Lương Thị Đ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001227 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Hủy bỏ Quyết định số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ; hủy bỏ Quyết định số: 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Mở phong tỏa số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) bảo đảm bà Nguyễn Thị B đã gửi tại tài khoản 9083134536816 theo Giấy xác nhận phong tỏa tài khoản số 160 ngày 26/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội

– Chi nhánh Cam Ranh, Phòng giao dịch Hùng Vương; mở phong tỏa số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) bảo đảm bà Nguyễn Thị B đã gửi tại tài khoản số 3663149049866 theo Giấy xác nhận phong tỏa tài khoản số 261 ngày 27/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Cam Ranh, Phòng giao dịch Hùng Vương.

*** Quy định:**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 6 năm 2021).

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. Cam Ranh;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hs, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Tuấn